

Số: 4991/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2022

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
ban hành trong tháng 11 năm 2022**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 11 năm 2022 như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 11 năm 2022, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 92/2022/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam;

2. Nghị định số 93/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không;

3. Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

4. Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

5. Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định số 23/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 92/2022/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2022.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Nghị định số 92/2022/NĐ-CP nhằm điều chỉnh những nội dung còn chưa phù hợp với thực tiễn hiện đang được quy định tại Nghị định số 03/2018/NĐ-CP, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật mới được ban hành trong thời gian vừa qua. Cụ thể:

Thứ nhất, ngày 05/9/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016, theo đó cần sửa đổi Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam để phù hợp với quy định của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP và Nghị định số 47/2019/NĐ-CP.

Thứ hai, ngày 03/4/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 362/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025, theo đó, Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện theo mô hình cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện. Do đó, cần phải điều chỉnh vị trí, chức năng của Đài cho phù hợp với định hướng phát triển và quản lý báo chí.

Thứ ba, Kênh Truyền hình Đài Tiếng nói Việt Nam (VOVTV) trước đây là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam, tự chủ một phần chi thường xuyên. Sau khi Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC được chuyển về trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam (theo Quyết định số 752/QĐ-TTg ngày 02/6/2015), Kênh Truyền hình Đài Tiếng nói Việt Nam không còn là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đài (theo Nghị định số 03/2018/NĐ-CP). Tuy nhiên, cho đến nay, do liên quan đến phương án xử lý nợ, việc tái cơ cấu Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC vẫn chưa thực hiện được, Kênh Truyền hình Đài Tiếng nói Việt Nam vẫn là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam nhưng không có tên trong Nghị định. Điều này dẫn đến vướng mắc trong việc duy trì hoạt động của của Kênh Truyền hình Đài Tiếng nói Việt Nam.

Thứ tư, Đài Tiếng nói Việt Nam có một số đơn vị cấp ban có số lượng người làm việc dưới 15 người, chưa đáp ứng tiêu chí thành lập đơn vị theo quy định, do đó, cần phải thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy cho phù hợp.

Thứ năm, tên gọi một số đơn vị cần thay đổi tạo sự thống nhất và phù hợp với thương hiệu của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do cơ bản trên, việc xây dựng Nghị định mới thay thế Nghị định số 03/2018/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam là cần thiết, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phù hợp với sự phát triển của Đài Tiếng nói Việt Nam, một trong sáu cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị định 92/2022/NĐ-CP ban hành gồm 06 Điều cụ thể:

Điều 1. Quy định vị trí và chức năng của Đài Tiếng nói Việt Nam. Theo đó, Đài Tiếng nói Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ, là đài phát thanh quốc gia, cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình phát thanh và các loại hình báo chí, truyền thông đa phương tiện khác.

Điều 2, 3 và 4 của Nghị định quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, Lãnh đạo của Đài.

Điều 5 và 6 của Nghị định quy định về Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

Nghị định 92/2022/NĐ-CP ban hành sẽ thay thế Nghị định số 03/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam.

2. Nghị định số 93/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

Căn cứ khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định trường hợp xây dựng Nghị định về các biện pháp cụ thể tổ chức thi hành luật, Bộ Công an xây dựng Nghị định về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không để quy định các biện pháp thi hành các Luật Biên giới quốc gia năm 2003, Luật An ninh quốc gia năm 2004, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2019, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 và Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2014. Cơ sở pháp lý và thực tiễn của việc xây dựng Nghị định trên cụ thể như sau:

Cơ sở pháp lý

Thứ nhất, Luật Biên giới quốc gia năm 2003 (khoản 7 Điều 4) quy định cửa khẩu là nơi thực hiện việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu và qua lại biên giới quốc gia bao gồm cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường sắt, cửa khẩu đường thủy nội địa, cửa khẩu đường hàng hải và cửa khẩu đường hàng không. Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (khoản 4, khoản 6 Điều 3) và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (khoản 1, khoản 2 Điều 2) quy định xuất cảnh là ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam, nhập cảnh là vào lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam.

Các Luật trên đều sử dụng khái niệm cửa khẩu, tuy nhiên hiện nay mới có

loại hình cửa khẩu biên giới đất liền (bao gồm cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường sắt và cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa), cửa khẩu cảng (bao gồm cửa khẩu cảng biển và cửa khẩu cảng thủy nội địa) được quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP và Nghị định số 77/2017/NĐ-CP. Đối với cửa khẩu đường hàng không, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định về khái niệm, phạm vi, biện pháp quản lý công tác bảo đảm an ninh, trật tự...

Thứ hai, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật An ninh quốc gia năm 2004 và Điều 4 Nghị định số 74/2007/NĐ-CP ngày 09/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật An ninh quốc gia, Thủ tướng Chính phủ có quyền ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quyền áp dụng các biện pháp thực hiện kiểm soát đặc biệt tại các cửa khẩu, các chuyến vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường bộ khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, Điều 12 Nghị định số 74/2007/NĐ-CP mới chỉ quy định việc áp dụng biện pháp kiểm soát đặc biệt tại cửa khẩu nói chung, chưa có quy định về trình tự, thủ tục thực hiện tại từng loại hình cửa khẩu riêng biệt, trong đó có cửa khẩu đường hàng không.

Thứ ba, Điều 192 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 quy định người ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không phải tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014 (khoản 32 Điều 1) quy định một trong các biện pháp bảo vệ an ninh hàng không là “bảo vệ an ninh, quốc phòng, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, quốc phòng, Công an nhân dân, phòng, chống khủng bố và pháp luật khác có liên quan”. Nghị định 140/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia (Điểm b, khoản 1 Điều 21) quy định “Tại cửa khẩu đường hàng không, cơ quan an ninh của Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cửa khẩu”. Bộ Công an có nhiệm vụ chủ trì bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật tại cửa khẩu đường hàng không, là một trong các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề cập tại Điều 192 nói trên. Người ra, vào và hoạt động tại các khu vực trên vừa phải tuân thủ các quy định về an ninh hàng không, được kiểm tra, soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh hàng không theo quy định đồng thời phải thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự của Bộ Công an. Do đó, việc ban hành Nghị định không làm chòng chẹo về chức năng, thẩm quyền của các bộ, ngành trong quản lý, bảo đảm an ninh hàng không đối với khu vực hạn chế về an ninh hàng không.

Cơ sở thực tiễn

Cửa khẩu đường hàng không dù nằm trong nội địa hay khu vực biên giới¹ đều có tính đặc thù cao, thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy định liên quan đến

¹ Cửa khẩu đường hàng không Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang), Cam Ranh (tỉnh Khánh Hoà), Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh) thuộc khu vực biên giới biển.

biên giới quốc gia, được coi là “biên giới đặc biệt, biên giới mềm”, thể hiện ở những khía cạnh cụ thể sau:

+ Việc xác định ranh giới khu vực cửa khẩu là hết sức cần thiết trong việc triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự và áp dụng các luật có liên quan.

Cửa khẩu đường hàng không tại các cảng hàng không là cửa ngõ giao thương chủ yếu, thường xuyên diễn ra các sự kiện chính trị quốc gia và quốc tế, chiếm 67% lưu lượng xuất nhập cảnh trong 10 năm qua và tiếp tục có xu hướng gia tăng lưu lượng. Các hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hoá chịu sự điều chỉnh của các luật liên quan đến biên giới quốc gia.

+ Nhiều công trình tại cảng hàng không là công trình quan trọng liên quan an ninh quốc gia. Theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, 06 công trình gồm Cảng hàng không quốc tế, Đài kiểm soát không lưu, Đài radar tại Nội Bài và Tân Sơn Nhất thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Nếu để xảy ra các sự cố, vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn cửa khẩu đường hàng không sẽ gây ra hậu quả khó lường về con người, kinh tế, chính trị, đối ngoại.

+ Nhận thức được tầm quan trọng đó, Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không. Tuy nhiên, việc thực thi các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không vẫn còn nhiều vấn đề cần khắc phục, cơ bản như sau:

Thứ nhất, tình hình an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không vẫn diễn biến phức tạp. Cơ quan chức năng của Bộ Công an đã phát hiện và xử lý kịp thời nhiều vụ việc liên quan an ninh quốc gia như vụ tiến hành phá hoại bằng bom xăng tại Tân Sơn Nhất năm 2017, thông tin đe dọa đánh bom hãng hàng không Cathay Pacific 2019; phát hiện, đấu tranh với các đối tượng nhập cảnh để hoạt động chống phá Nhà nước; đẩy đuổi 17 đối tượng khủng bố nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; và nhiều loại tội phạm khác như tấn công mạng vào cảng hàng không, tội phạm ma túy, buôn lậu...

Thứ hai, việc chưa xác định phạm vi chính xác khu vực cửa khẩu đường hàng không dẫn đến lúng túng trong xác định thẩm quyền xử lý vụ việc, triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, áp dụng pháp luật đối với một số hành vi vi phạm cụ thể.

Khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và cửa khẩu cảng biển đã có quy chế bảo đảm an ninh riêng biệt. Nghị định số 112/2014/NĐ-CP, Nghị định số 77/2017/NĐ-CP, Nghị định số 71/2015/NĐ-CP đã quy định cụ thể phạm vi, cơ quan có thẩm quyền xác định phạm vi cửa khẩu, cơ quan chủ trì duy trì an ninh, trật tự là Bộ đội Biên phòng, cơ chế phối hợp giữa các lực lượng quản lý nhà nước trong bảo đảm an ninh tại cửa khẩu, trường hợp tạm dừng hoạt động cửa khẩu. Việc xác định phạm vi cửa khẩu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo đảm an ninh, làm rõ phạm vi cụ thể để áp dụng các biện pháp quản lý, biện pháp an ninh tăng cường khi cần thiết.

Ví dụ, xác định phạm vi cửa khẩu là yếu tố quan trọng khi xem xét tội danh theo Điều 259 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, một trong những hành vi khách quan là vi phạm các quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, tiền chất, chất gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tại khu vực cửa khẩu (tại điểm đ, khoản 1). Về vi phạm hành chính, trong các lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hải quan, y tế, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội (điểm e, khoản 5 Điều 23), Nghị định số 117/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định các hành vi vi phạm về quy định kiểm dịch y tế biên giới (Điều 13), Nghị định số 128/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định các hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính tại cửa khẩu (Điều 12, Điều 13, Điều 18, Điều 20, Điều 21).

Nếu chưa xác định được ranh giới khu vực cửa khẩu đường hàng không sẽ không đủ căn cứ để xử lý các hành vi này tại các cảng hàng không. Việc xác định khu vực cửa khẩu đường hàng không sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng Công an, Hải quan, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động thực vật, Cảng vụ Hàng không có căn cứ xử lý các hành vi vi phạm liên quan lĩnh vực chuyên ngành.

Theo quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực hàng không dân dụng, hiện nay mới chỉ có quy định về khu vực cách ly “là một phần của khu vực hạn chế, được xác định từ sau điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý xách tay của nhà ga đến cửa khởi hành” (khoản 19 Điều 3 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam). Quy định này chỉ đề cập đến chiều xuất cảnh (cửa khởi hành). Chưa có quy định về khu vực cách ly xuất nhập cảnh.

Việc xác định rõ khu vực cửa khẩu đường hàng không phù hợp với các khuyến cáo của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế liên quan đến việc phân chia các khu vực tại sân bay, việc cấp thẻ vào các khu vực tại sân bay phù hợp từng mục đích cụ thể tại Công ước Chicago, Phụ lục 17, Tài liệu 8973 điểm 4.2.3, 11.2.6.4 và 11.2.6.5; không xung đột với quy định Công ước Tokyo 1963 về tội phạm và một số hành vi khác thực hiện trên tàu bay; Công ước Montreal 1999 về thống nhất một số quy tắc liên quan đến vận chuyển hàng không quốc tế; Công ước Hague 1970 về loại trừ hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay; Nghị định thư Montreal 1988 về loại trừ những hành vi bạo lực bất hợp pháp tại các cảng hàng không phục vụ hàng không dân dụng quốc tế.

Ngoài ra, xác định phạm vi khu vực cửa khẩu đường hàng không là cơ sở pháp lý để cơ quan an ninh của Bộ Công an xác định rõ phạm vi triển khai các biện pháp tăng cường an ninh khi phát sinh các tình huống an ninh phức tạp, như khi diễn ra các hội nghị quốc tế, sự kiện thể thao lớn, hoặc các đối tượng biểu tình gây rối như vụ biểu tình tấn công cảng hàng không năm 2018 để phản đối dự thảo Luật Đặc khu.

Thứ ba, khu vực cách ly xuất nhập cảnh cần được quản lý chặt chẽ hơn, tránh phát sinh vấn đề phức tạp về an ninh. Khu vực cách ly xuất nhập cảnh là

khu vực hành khách đã hoàn thành toàn bộ các thủ tục về soi chiếu an ninh, xuất nhập cảnh, hải quan, kiểm dịch y tế, có thể tiếp cận trực tiếp với tàu bay. Bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào tại khu vực này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh, trật tự nói chung và an ninh, an toàn của tàu bay, cảng hàng không, sân bay nói riêng.

Việc quản lý khu vực cách ly nói chung tại cửa khẩu đường hàng không đã được quy định nhưng chưa cụ thể, chặt chẽ. Đây là khu vực cần quản lý nghiêm ngặt vì quy chế pháp lý đối với hành khách trong khu vực này mang tính đặc thù, cần hạn chế tối đa người vào ngoài hành khách xuất nhập cảnh. Người ở khu vực cách ly nhập cảnh mặc dù đã ở trên lãnh thổ Việt Nam nhưng về thủ tục là chưa nhập cảnh Việt Nam. Người ở khu vực cách ly xuất cảnh vẫn ở trên lãnh thổ Việt Nam nhưng về thủ tục là đã xuất cảnh. Do đó, việc áp dụng quy định pháp luật tại khu vực cách ly cũng sẽ có những đặc thù trong xử lý vụ việc.

Ví dụ: Năm 2016 xảy ra nhiều vụ đoàn du lịch người Trung Quốc mặc áo in bản đồ “đường lưỡi bò” nhập cảnh Việt Nam. Nếu đương sự chưa nhập cảnh (vẫn ở khu vực cách ly xuất nhập cảnh), cơ quan chức năng có thể vận dụng quy định xuất nhập cảnh để từ chối nhập cảnh. Tuy nhiên, nếu đương sự hoàn thành thủ tục nhập cảnh (ra khỏi khu vực cách ly xuất nhập cảnh) mới bỏ áo khoác ngoài để lộ áo in bản đồ “đường lưỡi bò”, cơ quan chức năng không thể từ chối nhập cảnh và cũng chưa đủ căn cứ buộc xuất cảnh hoặc trục xuất, phải áp dụng các quy định khác để tịch thu áo, xử phạt vi phạm hành chính. Các vụ việc như trộm cắp trên tàu bay đến Việt Nam, gây rối trật tự khi tàu bay hạ cánh cũng được xử lý tương tự.

Do chưa có quy định về khu vực cách ly xuất nhập cảnh, theo quy định về an ninh hàng không, các cá nhân, tổ chức có thể sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không vào khu vực cách ly. Số lượng lớn người được quyền tiếp cận khu vực cách ly ảnh hưởng đến việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan chức năng. Trên thực tế khu vực cách ly cửa khẩu đường hàng không đã xảy ra một số vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, đáng chú ý, nhân viên cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không vào khu vực cách ly can thiệp vào việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan chức năng Việt Nam, tiếp cận các đối tượng liên quan an ninh quốc gia, thậm chí cấp giấy thông hành của nước ngoài ngay tại khu vực cách ly...

Những bất cập trên đòi hỏi cấp thiết có cơ sở pháp lý để triển khai hiệu quả các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, xác định rõ phạm vi cửa khẩu, quản lý chặt chẽ khu vực cách ly xuất nhập cảnh, quy định cụ thể về cơ quan tiếp nhận, thụ lý, phối hợp, xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng Nghị định về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không là cần thiết.

- Mục đích ban hành

+ Việc ban hành Nghị định nhằm hoàn thiện thể chế, pháp luật về công tác bảo đảm an ninh, trật tự nói chung và công tác quản lý cửa khẩu đường hàng không nói riêng, xác định rõ chức năng nhiệm vụ của các lực lượng trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không, đặc biệt trong bối

cảnh hoạt động xuất nhập cảnh qua đường hàng không chiếm tỷ lệ ngày càng cao.

+ Khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm an toàn tuyệt đối hoạt động của cửa khẩu đường hàng không, hoạt động xuất nhập cảnh qua đường hàng không thuận lợi về mặt thủ tục nhưng cũng chặt chẽ về quy định.

+ Hoàn thiện cơ sở pháp lý, triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật tại cửa khẩu đường hàng không.

+ Triển khai thực hiện 02 chính sách được Chính phủ xem xét, thông qua gồm có xác định ranh giới các khu vực cửa khẩu đường hàng không (chính sách 1) và tăng cường biện pháp quản lý khu vực cách ly (chính sách 2).

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định được chia thành 03 chương (Quy định chung; quy định cụ thể; tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành) gồm 14 Điều.

- Nội dung cơ bản

Chương I. Quy định chung

Gồm 03 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3): quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không, cụ thể:

- Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh:

+ Nghị định quy định việc quản lý, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội tại cửa khẩu đường hàng không; khu vực cửa khẩu đường hàng không; trách nhiệm của các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu đường hàng không; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu đường hàng không.

+ Ngoài hai chính sách mới tại hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định. Một số nội dung biện pháp tổ chức thi hành các quy định hiện hành của Luật gồm: các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực cửa khẩu đường hàng không và khu vực cách ly xuất nhập cảnh (thi hành khoản 1 Điều 15 Luật An ninh quốc gia, khoản 14 Điều 16 Luật Công an nhân dân, Điều 191 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Điều 92 Luật Hải quan); kiểm soát đặc biệt (điểm c khoản 1 Điều 21 Luật An ninh quốc gia).

+ Nghị định không điều chỉnh hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh và xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

- Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng:

+ Đối tượng áp dụng của Nghị định là cơ quan, tổ chức, cá nhân vào, ra và hoạt động tại cửa khẩu đường hàng không; cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan hoạt động tại cửa khẩu đường hàng không;

+ Nghị định không áp dụng đối với người đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh ra, vào lãnh thổ Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Điều 3 giải thích các từ ngữ:

+ Về “Cửa khẩu đường hàng không”, trên cơ sở nghiên cứu quy định về thẩm quyền của Chính phủ trong việc mở cửa khẩu quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, Nghị định quy định “Cửa khẩu đường hàng không là nơi thực hiện việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu thuộc cảng hàng không, sân bay, được cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác chuyến bay quốc tế theo Luật Hàng không dân dụng Việt Nam”. Quy định như trên phù hợp thẩm quyền của Chính phủ, theo đó do đặc thù về phương tiện vận chuyển, Chính phủ không quyết định mở từng cửa khẩu cụ thể mà quy định về nguyên tắc một địa điểm được coi là cửa khẩu đường hàng không.

Việc xác định khái niệm rõ ràng như trên góp phần làm rõ sự khác biệt giữa cửa khẩu đường hàng không và cảng hàng không. Cửa khẩu đường hàng không có thể thiết lập tại cảng hàng không hoặc tại sân bay chuyên dùng nơi khai thác chuyến bay quốc tế (theo khái niệm cảng hàng không và sân bay quy định tại Điều 47 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam). Việc xác định rõ khái niệm như trên, góp phần tạo cơ sở pháp lý triển khai công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại các sân bay chuyên dùng tiếp nhận chuyến bay quốc tế.

+ Về “Công an cửa khẩu” đã được quy định về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính tại Luật xử lý vi phạm hành chính (Điều 39, Điều 123), Luật Công an nhân dân (khoản 3 Điều 17), Nghị định 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an (điểm b khoản 2 Điều 3). Tuy nhiên, tại Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, “Công an cửa khẩu” và các Trạm Biên phòng cửa khẩu được gọi chung là “đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh”. Do đó việc xác định rõ khái niệm như trên tạo cơ sở khẳng định vị trí pháp lý của đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu đường hàng không.

+ Về “Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu đường hàng không” được quy định liệt kê đầy đủ các cơ quan quản lý nhà nước thực thi nhiệm vụ tại địa bàn cửa khẩu đường hàng không.

+ Khái niệm “Khu vực cách ly xuất nhập cảnh” được xác định nhằm thực thi chính sách tăng cường biện pháp quản lý khu vực cách ly tại hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định, quy phạm hóa thực tiễn công tác quản lý chung tại các cửa khẩu đường hàng không.

Việc xác định rõ khái niệm cơ bản tạo ra căn cứ pháp lý quan trọng trong việc thực thi pháp luật.

Chương II. Quy định cụ thể

Gồm 06 điều (từ Điều 4 đến Điều 9): quy định phạm vi các khu vực tại cửa khẩu đường hàng không; dòng lưu chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý của hành khách tại cửa khẩu đường hàng không; bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực cửa khẩu đường hàng không và khu vực cách ly xuất nhập cảnh; kiểm soát

vào, ra khu vực cách ly xuất nhập cảnh; xử lý hành vi vi phạm pháp luật tại cửa khẩu đường hàng không; kiểm soát đặc biệt, cụ thể:

- Điều 4 quy định phạm vi các khu vực tại cửa khẩu đường hàng không:

Cửa khẩu đường hàng không về tổng thể gồm 02 khu vực: khu vực cửa khẩu và khu vực cách ly xuất nhập cảnh. Việc liệt kê các khu vực, công trình cảng hàng không thuộc cửa khẩu đường hàng không tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng trong xác định ranh giới, phạm vi khu vực cửa khẩu trên thực tiễn. Việc khoanh vùng chỉ 02 khu vực bảo vệ như trên hạn chế tối đa sự chồng lấn với các khu vực hạn chế về an ninh hàng không, đồng thời việc đặt biển báo cũng đơn giản, dễ thực hiện, trên cơ sở trao đổi, thống nhất với cơ quan hàng không để tránh trùng lặp vị trí các biển báo hàng không.

Việc thiết lập khu vực cửa khẩu và khu vực cách ly xuất nhập cảnh căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Biên giới quốc gia, đồng thời bảo đảm thực thi các quy định về khu vực hạn chế về an ninh hàng không, cụ thể là người vào, ra khu vực hạn chế về an ninh hàng không hoặc khu vực cách ly xuất nhập cảnh đều phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không. Khu vực cách ly xuất nhập cảnh có ranh giới rất rõ ràng là các bục kiểm soát xuất nhập cảnh của Công an cửa khẩu. Theo pháp luật về xuất nhập cảnh, dù chưa quy định cụ thể ranh giới khu vực cách ly xuất nhập cảnh, hành khách phải làm thủ tục kiểm soát xuất nhập cảnh trước khi vào, ra khu vực cách ly xuất nhập cảnh. Do đó, việc thiết lập khu vực cửa khẩu, khu vực cách ly xuất nhập cảnh không phát sinh thêm bất kỳ sự cản trở nào đối với hành khách, người sử dụng dịch vụ tại cửa khẩu đường hàng không.

- Điều 5 quy định dòng lưu chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý của hành khách tại cửa khẩu đường hàng không:

Quy định biện pháp trên tạo ra sự thống nhất, trật tự và thuận lợi trong triển khai công tác bảo đảm an ninh trật tự, thống nhất cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.

- Điều 6 quy định bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực cửa khẩu đường hàng không và khu vực cách ly xuất nhập cảnh:

+ Quy định các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực cửa khẩu đường hàng không và khu vực cách ly xuất nhập cảnh gồm: kiểm soát vào, ra khu vực cách ly xuất nhập cảnh; tuần tra, kiểm soát phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; giám sát hoạt động của người, phương tiện tại khu vực cửa khẩu đường hàng không bằng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật; các biện pháp khác theo quy định của Luật Công an nhân dân, Luật An ninh quốc gia và pháp luật khác có liên quan. Đây là các biện pháp mang tính đặc trưng, phổ biến, triển khai thường xuyên, liên tục tại cửa khẩu.

+ Quy định thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự bao gồm thẩm quyền triển khai của Công an cửa khẩu, lực lượng Kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng Hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác trong phối hợp triển khai bảo đảm an ninh trật tự.

- Điều 7 quy định việc kiểm soát vào, ra khu vực cách ly xuất nhập cảnh:

+ Quy định trên phù hợp với các quy định về an ninh hàng không, cụ thể là các đối tượng được vào, ra, hoạt động tại khu vực cách ly xuất nhập cảnh phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không do cơ quan, doanh nghiệp hàng không cấp theo quy định Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. Ngoài ra, không làm cản trở hoạt động bình thường của các công chức, viên chức, nhân viên cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, doanh nghiệp hàng không phục vụ chuyên bay.

+ Người không thuộc các đối tượng tại khoản 1, khoản 2, không được phép vào khu vực cách ly xuất nhập cảnh. Quy định như trên khắc phục được bất cập trong việc quản lý người sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không vào khu vực cách ly xuất nhập cảnh sai mục đích đã đề cập tại phần cơ sở thực tiễn, báo cáo đánh giá tác động chính sách. Những người không có nhiệm vụ sẽ phải thực hiện việc đón, tiễn hành khách ở phía ngoài khu vực cách ly xuất nhập cảnh, bảo đảm trật tự, việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan chức năng, góp phần ngăn ngừa vi phạm pháp luật tại khu vực cách ly xuất nhập cảnh.

+ Quy định trường hợp đặc biệt vào khu vực cách ly xuất nhập cảnh với mục đích nhân đạo, đối ngoại của Đảng, Nhà nước, hoặc trường hợp đặc biệt khác. Tạo cơ sở pháp lý để xử lý linh hoạt khi có tình huống đặc biệt yêu cầu sự có mặt của người không thuộc đối tượng tại khoản 1, khoản 2. Đồng thời quy phạm hóa vai trò chủ trì bảo đảm an ninh trật tự tại khu vực cách ly xuất nhập cảnh qua việc chịu trách nhiệm, đồng ý cho phép vào khu vực cách ly xuất nhập cảnh của Trưởng Công an cửa khẩu. Việc đồng ý sẽ thể hiện ở hình thức mệnh lệnh cho phép truyền đạt cho chiến sỹ Công an cửa khẩu quản lý khu vực cách ly xuất nhập cảnh. Ngoài ra, Công an cửa khẩu sẽ áp dụng các biện pháp ứng dụng công nghệ, tra cứu đối tượng thuộc diện “Chưa cho nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh” khi xem xét cho phép người vào khu vực cách ly xuất nhập cảnh.

Do mang tính đặc biệt trên cơ sở nguyên tắc chung là ngoài hành khách, người không có nhiệm vụ không được vào khu vực cách ly xuất nhập cảnh, nên đây không phải là thủ tục hành chính, mà là biện pháp mang tính tình thế của cơ quan Công an trong trường hợp đặc biệt.

+ Quy định kiểm soát khu vực cách ly xuất nhập cảnh đáp ứng các yêu cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) về việc chấp hành các quy định phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, đồng thời không tạo ra cản trở, bất tiện nào đối với hành khách xuất nhập cảnh.

- Điều 8 quy định xử lý hành vi vi phạm pháp luật tại cửa khẩu đường hàng không:

Vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan chuyên ngành nào, cơ quan đó chủ trì xử lý. Trường hợp nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền xử lý, cơ quan phát hiện vụ việc đầu tiên chủ trì xử lý. Trường hợp vụ việc chưa xác định rõ cơ quan có thẩm quyền, Công an cửa khẩu chủ trì, tiếp nhận xử lý ban đầu các hành vi vi phạm pháp luật, bàn giao cho các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

Trong thực tiễn xử lý vụ việc tại cửa khẩu đường hàng không, một số vụ việc do quần chúng nhân dân phát hiện nhưng do chưa rõ cơ chế phối hợp và cơ quan chủ trì dẫn đến đôi lúc có sự né tránh trách nhiệm xử lý của cơ quan quản lý

nhà nước. Quy định như trên khắc phục triệt để được tình trạng này.

- Điều 9 về kiểm soát đặc biệt tại cửa khẩu đường hàng không:

Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật An ninh quốc gia quy định biện pháp kiểm soát đặc biệt tại cửa khẩu theo thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên chưa quy định biện pháp thực hiện cụ thể tại cửa khẩu đường hàng không.

Cơ sở pháp lý về việc giao Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì triển khai các biện pháp kiểm soát đặc biệt trong trường hợp có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp. Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật An ninh quốc gia quy định khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp, Thủ tướng Chính phủ được quyết định áp dụng thực hiện kiểm soát đặc biệt tại các cửa khẩu, các chuyến vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường bộ.

Luật An ninh quốc gia (khoản 2 Điều 30) quy định Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia.

Nghị định số 74/2007/NĐ-CP ngày 09/5/2007 quy định “khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật An ninh quốc gia” (khoản 1 Điều 4); “có quyền ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 4” (khoản 2 Điều 4).

Nghị định 140/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ quy định “Tại cửa khẩu đường hàng không, cơ quan an ninh của Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cửa khẩu” (điểm b, khoản 1 Điều 21).

Căn cứ quy định của Luật An ninh quốc gia và thống nhất với quy định hiện hành tại Nghị định 74/2007/NĐ-CP, Nghị định 140/2004/NĐ-CP, việc quy định Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì triển khai các biện pháp kiểm soát đặc biệt tại cửa khẩu đường hàng không là phù hợp.

Các biện pháp cụ thể để triển khai kiểm soát đặc biệt đã được quy định cụ thể tại Điều 10 dự thảo, cụ thể là điều chỉnh luồng di chuyển hành khách phù hợp yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự; bố trí lực lượng tuần tra, thiết lập chốt kiểm tra an ninh tại các vị trí cần thiết, giám sát toàn bộ khu vực cửa khẩu đường hàng không, đặt biển cấm, biển hạn chế hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

Dự thảo quy định biện pháp cụ thể khi áp dụng biện pháp kiểm soát đặc biệt tại cửa khẩu đường hàng không theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể là giao Bộ Công an điều chỉnh luồng di chuyển hành khách phù hợp với yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự; bố trí lực lượng tuần tra, thiết lập chốt kiểm tra an ninh tại các vị trí cần thiết, giám sát toàn bộ khu vực cửa khẩu đường hàng không, đặt biển cấm, hạn chế.

Chương III. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

Gồm 05 điều (từ Điều 10 đến Điều 14): quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không. Hiệu lực thi hành của Nghị định.

Ban hành kèm theo Nghị định này 05 mẫu biển báo khu vực cửa khẩu, gồm: (1) Mẫu biển báo “Khu vực cửa khẩu”; (2) Mẫu biển báo “Khu vực cách ly xuất nhập cảnh”; (3) Mẫu biển báo “Dừng lại”; (4) Mẫu biển báo “Không nhiệm vụ, không qua lại”; (5) Mẫu biển báo “Khu vực cấm”.

3. Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê được Quốc hội thông qua ngày 12/11/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 15 điều và 02 phụ lục kèm theo, trong đó: Phụ lục I quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Phụ lục II quy định hệ biểu thu thập thông tin phục vụ biên soạn GDP, GRDP (áp dụng đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tập đoàn, tổng công ty).

Nội dung của Nghị định:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

+ Nghị định này quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP).

+ Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, sản xuất thông tin thống kê và sử dụng thông tin thống kê nhà nước.

Nội dung chính:

- Nghị định quy định nội dung của 230 chỉ tiêu thuộc danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê. Nội dung của mỗi chỉ tiêu thống kê gồm: Khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu của chỉ tiêu và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.

- Nghị định quy định quy trình biên soạn GDP, GRDP gồm 6 bước như sau:

- + Bước 1. Thu thập thông tin đầu vào phục vụ biên soạn GDP, GRDP.
- + Bước 2. Tính các chỉ tiêu phục vụ biên soạn GDP, GRDP.
- + Bước 3. Biên soạn số liệu GDP, GRDP.
- + Bước 4. Rà soát, đánh giá lại GDP, GRDP.
- + Bước 5. Công bố, phổ biến số liệu GDP, GRDP.
- + Bước 6. Lưu trữ số liệu GDP, GRDP.
- Nội dung mới của Nghị định so với văn bản trước đó:

Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 thay thế Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

So với Nghị định 97/2016/NĐ-CP, Nghị định số 94/2022/NĐ-CP có những điểm mới như sau”

- Thay thế nội dung của 186 chỉ tiêu quy định tại Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê 2015 bằng Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê 2021.

- Bổ sung quy trình biên soạn GDP, GRDP và làm rõ các bước trong quy trình, cụ thể:

- + Quy trình biên soạn GDP, GRDP.
- + Nguyên tắc biên soạn GDP, GRDP.
- + Phạm vi số liệu GDP, GRDP.
- + Phương pháp, kỳ biên soạn GDP, GRDP.
- + Nguồn thông tin biên soạn GDP, GRDP.
- + Thu thập thông tin đầu vào phục vụ biên soạn GDP, GRDP.
- + Tính các chỉ tiêu phục vụ biên soạn GDP, GRDP.
- + Biên soạn số liệu GDP, GRDP.
- + Rà soát, đánh giá lại GDP, GRDP.
- + Công bố, phổ biến số liệu GDP, GRDP.
- + Lưu trữ số liệu GDP, GRDP.

4. Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Nghị định này thay thế Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Sau hơn 05 năm thực hiện Nghị định số 96/2017/NĐ-CP, một số quy định của Nghị định đã bộc lộ những điểm chưa phù hợp với các văn bản mới được ban hành cần thiết phải được sửa đổi, cụ thể như sau:

- Sửa đổi để phù hợp với văn bản pháp luật mới về tổ chức bộ máy: Nhiều văn bản về tổ chức bộ máy là căn cứ ban hành của Nghị định số 96/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, bao gồm: Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị định mới về tổ chức bộ máy của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được Chính phủ ban hành năm 2020. Các Nghị định này đã sửa đổi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trong một số lĩnh vực và quy định mới về tiêu chí thành lập các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sửa đổi chức năng, nhiệm vụ theo văn bản pháp luật chuyên ngành: Trong thời gian qua, chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp không ngừng được tăng cường, bổ sung, mở rộng tại các văn bản pháp luật chuyên ngành ban hành sau khi có Nghị định số 96/2017/NĐ-CP.²

- Nhiều nhiệm vụ thực tế đang được giao thêm: Với vai trò là cơ quan tham mưu giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, trong thời gian qua Bộ Tư pháp được giao tham gia ý kiến pháp lý về các văn bản, đề án, chính sách trong hầu hết các lĩnh vực công tác của Chính phủ; có ý kiến pháp lý để xử lý các vấn đề cụ thể phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp sâu rộng hơn với tất cả các Bộ, ngành trong công tác rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật trong mọi lĩnh vực và không chỉ đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật mà còn đối với các đề án, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch. Nhiều nhiệm vụ đã được giao thêm trong các văn bản chỉ đạo Đảng và Chính phủ đã bổ sung thêm nhiều nhiệm vụ lớn cho Bộ Tư pháp.³

² Như: (i) Theo dõi tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; (ii) Xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống dữ liệu quốc gia về biện pháp bảo đảm theo Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; (iii) Đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (iv) Quản lý nhà nước về thừa phát lại theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 về tổ chức và hoạt động thừa phát lại; (v) Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 55/2019/NĐ-CP)...

³ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 26/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính, trong đó tại điểm a, khoản 2 Chỉ thị giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp: “*Tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giúp Chính phủ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và quản lý nhà nước về thi*

- Khó khăn, vướng mắc về cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp

Trong quá trình từ năm 1981 được thành lập lại cho đến nay, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp đang trong quá trình hoàn thiện theo yêu cầu hoàn thiện thể chế, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính vì vậy, Bộ Tư pháp được giao thêm nhiều chức năng, nhiệm vụ nhất là trong những năm gần đây.

Do chức năng, nhiệm vụ và tổ chức được bổ sung trong bối cảnh thực hiện chủ trương tinh giản theo yêu cầu của Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở⁴ và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức⁵ dẫn đến biên chế giao cho một số đơn vị mới được thành lập không đủ so với các Đề án thành lập các đơn vị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đề án vị trí việc làm của các đơn vị; các nhiệm vụ được mở rộng, tăng cường sau khi có Nghị định số 96/2017/NĐ-CP cho đến nay cũng không được cơ quan có thẩm quyền giao bổ sung biên chế. Điều này tạo ra sự mâu thuẫn lớn giữa việc tăng cường, mở rộng chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp và biên chế được phân bổ, dẫn tới sự quá tải trong công việc, tạo áp lực lên đội ngũ công chức, viên chức. Đến nay, một số đơn vị của Bộ Tư pháp đang thiếu biên chế để duy trì cơ cấu tổ chức theo quy định của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP.

Đồng thời, việc thực hiện giảm số lượng cấp Phòng của một số đơn vị thuộc Bộ trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng nhiều, tính chất công việc ngày càng phức tạp, yêu cầu công việc đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng và tiến độ đang tạo ra sự khó khăn, bất cập, ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc của đơn vị; công chức không có cơ hội để

hành án hành chính; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch thống kê, theo dõi, tổng kết công tác thi hành án hành chính để báo cáo Chính phủ.” Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 9/2/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, trong đó đã đặt ra yêu cầu phải đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Kết luận số 73-KL/TW ngày 20/5/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 09/12/2009 của Ban Bí thư về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp giao Bộ Tư pháp là cơ quan quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (tại Công văn số 665/VPCP-NC ngày 11/4/2013 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ là cơ quan đầu mối quốc gia trong thực hiện và chuẩn bị Báo cáo quốc gia định kỳ về việc thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR). Ngày 26/9/2019, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 1252/QĐ-TTg về Kế hoạch tăng cường thực hiện hiệu quả Công ước ICCPR và các khuyến nghị của Ủy ban nhân quyền Liên hợp quốc, trong đó đã giao trách nhiệm cụ thể cho Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì, có nhiệm vụ tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ triển khai thực hiện công ước....

⁴ Tiếp tục thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, từ nay đến năm 2016 cơ bản không tăng tổng biên chế của cả hệ thống chính trị (trừ trường hợp lập thêm tổ chức hoặc được giao nhiệm vụ mới).

⁵ Từng cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập phải xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế ... Trong đó, phải xác định tỉ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

được rèn luyện về năng lực, kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý ở cấp Phòng trước khi bổ nhiệm giữ vị trí lãnh đạo cấp Vụ ở các Vụ tham mưu đa ngành, đa lĩnh vực cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực, công việc được phân công phụ trách.

Vì vậy, nếu việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP không tính đến các yếu tố đặc thù sẽ ảnh hưởng rất lớn tới việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, nhất là trong bối cảnh tăng cường vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác thể chế, tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 6 Điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, cụ thể:

(1) Vị trí và chức năng; (2) Nhiệm vụ và quyền hạn; (3) Cơ cấu tổ chức; (4) Điều khoản chuyên tiếp; (5) Hiệu lực thi hành; (6) Trách nhiệm thi hành.

5. Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Quy định tại Nghị định này về thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến đối với trường hợp tại khoản 4 Điều 47, về cấp tài khoản đăng ký trực tuyến tại Điều 23, về cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu tại điểm b khoản 2 Điều 50 và về kết nối, chia sẻ dữ liệu số đăng ký biện pháp bảo đảm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại khoản 4 Điều 53 thuộc lĩnh vực đăng ký đối với động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024; thuộc lĩnh vực đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng khu vực biển, tài sản gắn liền với khu vực biển, tàu bay, tàu biển có hiệu lực từ thời điểm được quy định tại pháp luật về đất đai, về khai thác, sử dụng tài nguyên biển, về hàng không hoặc pháp luật về hàng hải.

Nghị định này thay thế Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Về cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các văn kiện khác của Đảng đã xác định những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp về hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó, tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, huy động, quản lý và sử dụng có

hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính..., thực hiện, bảo vệ hiệu quả quyền sở hữu tài sản, đăng ký tài sản và giao dịch tài sản...

Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 xác định mục tiêu, nhiệm vụ tập trung tháo gỡ khó khăn về thể chế theo hướng cấp nào ban hành cấp đó phải tháo gỡ; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, vận hành đồng bộ theo nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; phát triển các loại thị trường vốn...

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022 đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định, trình Chính phủ trong tháng 6 năm 2022.

+ Về đáp ứng yêu cầu đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật

Việc xây dựng Nghị định là để đảm bảo đồng bộ hơn, thống nhất hơn của hệ thống pháp luật, bao quát được những thay đổi gần đây của pháp luật liên quan về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, đất đai, chứng khoán, đầu tư, doanh nghiệp, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử... theo hướng đầy đủ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định và vận hành đồng bộ hơn trong pháp luật về đăng ký giao dịch, tài sản nói chung, đăng ký biện pháp bảo đảm nói riêng và trong thực thi nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quy định của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP

Việc xây dựng Nghị định là để tháo gỡ vướng mắc, bất cập còn tồn tại trong các quy định của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP do chưa bao quát hết các vấn đề pháp lý liên quan đến các trường hợp đăng ký, từ chối đăng ký; hiệu lực của đăng ký; chủ thể, ngôn ngữ, chữ ký, con dấu trong đăng ký, cung cấp thông tin; hồ sơ đăng ký, giải quyết hồ sơ, trả kết quả đăng ký, thay đổi, xóa một phần hoặc toàn bộ nội dung đã được đăng ký; không công nhận kết quả đăng ký; đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến...

+ Về đáp ứng yêu cầu phát triển mới của kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế

Việc xây dựng Nghị định là để đáp ứng yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của đất nước ta, trong đó: thể chế, hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm cần được tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hơn để thực sự là công cụ pháp lý bảo chứng cho sự an toàn, minh bạch về tài sản, giao dịch; người dân, doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn với chi phí thấp; chủ thể tài trợ vốn an tâm hơn khi cung ứng vốn cho người dân, doanh nghiệp; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có được bằng chứng pháp lý chính xác, thuận tiện về tài sản bảo đảm trong thực hiện quản lý nhà nước hoặc khi giải quyết các vụ việc theo

quy định của pháp luật; góp phần cải thiện chỉ số hợp đồng về năng lực cạnh tranh ở Việt Nam.

- Mục đích ban hành: Việc xây dựng Nghị định là để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm; thực hiện hiệu quả chiến lược cải cách thủ tục hành chính, chất lượng cung cấp dịch vụ công về đăng ký, hiệu quả của cơ quan đăng ký và hệ thống đăng ký; khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh trong quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm hiện hành; nắm bắt, bao quát được những vấn đề, yêu cầu mới phát sinh trong thực tiễn và trong quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 Chương, 58 Điều về đăng ký biện pháp bảo đảm, cụ thể: (1) Quy định chung; (2) Thủ tục chung; (3) Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; (4) Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay; (5) Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển; (6) Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hàng năm, công trình tạm; (7) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân; (8) Hoạt động cung cấp thông tin giữa cơ quan đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền; (9) Quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm; (10) Điều khoản thi hành.

6. Quyết định số 23/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, được thí điểm thực hiện đến khi Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 hết hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

Tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa quy định: “Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định”.

Tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 55/2022/QH15 quy định "Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh do Thủ tướng Chính phủ quy định".

Tại Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 01/8/2022, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định của Thủ tướng Chính

phủ quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Do đó, để triển khai nhiệm vụ được giao tại các văn bản nêu trên, tạo cơ sở cho Hội đồng nhân dân chủ động trong công tác chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền; việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định là cần thiết và có cơ sở.

- Mục đích ban hành

+ Cụ thể hóa quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khoá XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

+ Xác định rõ trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác.

+ Đáp ứng nhu cầu thực tiễn về chuyển mục đích sử dụng rừng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, ổn định trật tự xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, tránh thất thoát, lãng phí và giảm hiệu quả đầu tư.

c) Nội dung chủ yếu:

- Quyết định bao gồm 6 điều.

- Phạm vi điều chỉnh:

+ Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

+ Đối với dự án đầu tư, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được quy định tại điểm a khoản này, chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là một nội dung trong Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hoặc Quyết định chủ trương đầu tư dự án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) lấy ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

+ Đối với việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số

83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

- Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Các quy định chính của Quyết định:

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

+ Điều 2. Nguyên tắc

+ Điều 3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ

+ Điều 4. Tổ chức thực hiện

+ Điều 5. Điều khoản thi hành

+ Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với Dự án đã trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tiến độ thẩm định hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiếp tục thẩm định, hoàn thiện kết quả thẩm định trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 11 năm 2022, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Điện tử Chính phủ;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (TT).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Quốc Hoàn